TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 24 tháng 6 năm 2019
V/v "*Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Chuyền
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Môn

2. Ông Nguyễn Văn Tư

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo - Thư ký Tòa án
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B *tham gia phiên tòa:* Bà Chu Ngọc Linh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 168/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2019 về việc "*Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2019/QĐXX-ST ngày 05 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nông Thị N, sinh năm 1997. (Có mặt)

ĐKHKTT: Nhà H2, tầng 5, khu tập thể Đ, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Chỗ ở: Ngách 14, xóm 10, phường Đ, thành phố N, tỉnh Bắc Ninh.

2. Bị đơn: Anh Đỗ Quốc A, sinh năm 1996. (Có mặt)

Địa chỉ: Nhà H2, tầng 5, khu tập thể Đ, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 17/4/2019 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nông Thị N trình bày:

Chị và anh Đỗ Quốc A kết hôn năm 2015 và đã giải quyết ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 107/2018/QĐST-HNGĐ ngày 21/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B. Chị và anh Quốc A có 01 con chung là Đỗ Ngọc D, sinh ngày 20/01/2016. Theo Quyết định trên, anh Quốc A là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Khi ly hôn, các

bên thỏa thuận để anh Quốc A nuôi con chung vì lúc đó chị chưa có việc làm, không đủ điều kiện để chăm sóc con chung.

Sau khi ly hôn, chị thường xuyên đến thăm nom con chung, chị không đưa tiền hàng tháng để anh Quốc A chăm sóc con chung nhưng chị thường xuyên mua sữa và quần áo cho con. Nhưng thời gian gần đây, anh Quốc A thường xuyên ngăn cản không cho chị thăm nom con chung.

Nay chị yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, cho chị được nuôi dưỡng con chung, chị không yêu cầu anh Quốc A phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Lý do chị muốn thay đổi người trực tiếp nuôi con là vì anh Quốc A nuôi con không đảm bảo, không có công việc ổn định, thường xuyên bỏ bê con, con không được đi học đầy đủ và hay ốm. Hiện tại chị đang mở cửa hàng riêng tại thành phố N, thu nhập bình quân 20.000.000 đồng/ 01 tháng, đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con, chị có chỗ ở ổn định. Chị không có chứng cứ gì chứng minh thu nhập của mình.

Hiện nay cháu đang đi gửi trẻ ở trường mầm non Hoa Sen. Thỉnh thoảng chị mới đưa đón con. Chị không liên lạc với cô giáo chủ nhiệm của con để hỏi thăm tình hình của con ở lớp như thế nào, chị cũng không biết tên của cô giáo là gì. Chị đang thuê nhà ở thành phố N. Nếu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D thì chị sẽ đưa cháu về quê ở huyện S, tỉnh Bắc Giang để sinh sống.

* Bị đơn là anh Đỗ Quốc A trình bày:

Anh và chị Nông Thị N ly hôn năm 2018 bằng Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự số 107/2018/QĐST-HNGĐ ngày 21/5/2018 do Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang giải quyết. Anh và chị N có 01 con chung là Đỗ Ngọc D, sinh ngày 20/01/2016. Theo Quyết định trên thì anh nuôi dưỡng con chung. Chị N không cấp dưỡng nuôi con. Con chung ở với anh từ khi ly hôn đến nay, cháu khỏe mạnh phát triển bình thường. Hàng ngày anh gửi cháu ở trường mầm non Hoa Sen. Anh và vợ mới của anh (chị Nguyễn Huyền T) thay nhau đưa con đi trẻ hàng ngày. Từ khi ly hôn đến nay, chị N thỉnh thoảng mới đón con về phòng trọ ngủ cùng. Có khi đến 02 tháng chị N không đến thăm con và cũng không gọi điện hỏi thăm con, không gửi tiền cấp dưỡng nuôi con.

Nay chị N yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn thì anh không đồng ý. Vì từ khi vợ chồng ly hôn đến nay, chị N không có trách nhiệm gì với con, chị N đưa con đi khám về cũng yêu cầu anh trả tiền đã khám cho con. Chị N không có chỗ ở ổn định, phải đi thuê nhà. Anh không muốn mất con. Hiện nay anh mở cửa hàng cầm đồ, thu nhập khoảng 10.000.000 đồng / 01 tháng, anh có chỗ ở ổn định. Anh không có chứng cứ gì chứng minh thu nhập của mình.

* Qua làm việc với ông Đỗ Đình T, sinh năm 1948, cư trú tại nhà H2, tầng 5, khu tập thể Đ, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Ông T cho biết: Ông là ông nội của anh Đỗ Quốc A. Anh Đỗ Quốc A và cháu Đỗ Ngọc D hiện đang ở cùng ông tại địa chỉ trên. Chị N hàng tháng đều về thăm con và có đón con về ngoại chơi. Việc chị N có gửi tiền cho anh Quốc A để chăm sóc con chung hay không thì ông không nắm được nhưng thỉnh thoảng chị N có mua sữa và quần áo

cho con. Hàng ngày anh Quốc A và vợ mới của anh Quốc A đưa đón cháu D đi học và chăm sóc cháu D hàng ngày. Cháu D ngoan ngoãn, phát triển khỏe mạnh.

* Qua làm việc với bà Nguyễn Thị H là giáo viên - Trường mầm non Hoa Sen. Bà H cho biết: Cháu Đỗ Ngọc D, sinh ngày 20/01/2016 là con chung của anh Đỗ Quốc A và chị Nông Thị N. Cháu D đang học lớp 3-4 tuổi (A3) của Trường mầm non Hoa Sen do bà làm giáo viên chủ nhiệm. Hàng tháng việc đóng học phí cho cháu D đều do anh Quốc A và vợ của anh Quốc A đóng. Ở lớp cháu ngoan ngoãn, lễ phép. Tình trạng sức khỏe, tâm sinh lý của cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

+ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị N về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con là cháu Đỗ Ngọc D sau khi ly hôn.

+ Về án phí: Chị Nông Thị N phải chịu án phí DSST theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn là anh Đỗ Quốc A có hộ khẩu thường trú tại số nhà H2, tầng 5, khu tập thể Đ, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân thành phố B thụ lý, giải quyết vụ án "*Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn*" giữa chị Nông Thị N và anh Đỗ Quốc A là đảm bảo đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét về yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị N thì thấy:

Chị Nông Thị N và anh Đỗ Quốc A là vợ chồng, hai người đã ly hôn năm 2018 do Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang giải quyết theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 107/2018/QĐST-HNGĐ ngày 21/5/2018. Về con chung, anh chị có 01 con chung là Đỗ Ngọc D, sinh ngày 20/01/2016. Theo Quyết định trên thì anh Quốc A nuôi dưỡng con chung. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Quốc A không yêu cầu.

Xét về điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D, theo lời trình bày của các bên thì thấy hiện tại cả chị N và anh Quốc A đều làm nghề tự do, có thu nhập và có chỗ ở. Tuy nhiên, khi chị N và anh Quốc A ly hôn thì cháu Ngọc Diệp mới được hơn 02 tuổi, các bên cũng đã thỏa thuận để anh Quốc A trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Theo lời trình bày của anh Quốc A và các tài liệu khác có trong hồ sơ thì xác định được hiện tại cháu Ngọc D khỏe mạnh, phát triển bình thường, cháu vẫn đi học đầy đủ và để đảm bảo cho cháu có cuộc sống ổn định. Nay chị N yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, cụ thể là chị yêu cầu được trực tiếp

nuôi dưỡng con chung là Đỗ Ngọc D vì chị cho rằng anh Quốc A nuôi cháu không đảm bảo, anh Quốc A không có công việc ổn định, thường xuyên bỏ bê cháu, cháu không được đi học đầy đủ và hay ốm nhưng chị N không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho yêu cầu của mình. Anh Quốc A không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị N. Do vậy xác định yêu cầu của chị N là không có căn cứ và không được chấp nhận (theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình).

[3] Về án phí: Chị N phải chịu án phí DSST do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 3 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị N về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con là cháu Đỗ Ngọc D sau khi ly hôn.

2. Về án phí: Chị Nông Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí DSST. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0000408 ngày 24/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND TP B;
- CCTHA-DS TP B;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Phạm Thị Chuyền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Chuyền

Nơi nhận:
- VKSND TP Bắc Giang;
- CCTHA-DS TP Bắc Giang;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- UBND phường L, TP Bắc Giang;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Phạm Thị Chuyền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Mạnh Thắng

Nơi nhận:
THẨM
- VKSND TP Bắc Giang;
- CCTHA-DS TP Bắc Giang;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- UBND phường Hoàng Văn Thụ, TP Bắc Giang.
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Trần Mạnh Thắng